

CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất năm 2023 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/03/2024 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin



ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 12 tháng 9 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-01525-24-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150) | 100 | | 3.373.380.970.847 | 2.538.477.702.905 |
| Tiền | 110 | 4 | 12.076.818.067 | 7.668.804.630 |
| Tiền | 111 | | 12.076.818.067 | 7.668.804.630 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.360.717.280.590 | 2.527.879.070.464 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | 5 | 123.859.082.604 | 20.242.867.968 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 3.180.000 | 12.314.996 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 6(a) | 3.001.294.077.093 | 2.350.850.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7(a) | 249.931.485.396 | 176.047.556.602 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | 8 | (14.370.544.503) | (19.273.669.102) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 586.872.190 | 2.929.827.811 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 586.872.190 | 789.818.310 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 2.140.009.501 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260) | 200 | | 4.069.273.843.457 | 7.349.458.136.297 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 81.351.465.755 | 985.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 6(b) | 79.000.000.000 | 985.000.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 7(b) | 2.351.465.755 | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 50.350.000 | 366.266.235 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 50.350.000 | 366.266.235 |
| Nguyên giá | 222 | | 251.840.318 | 609.058.500 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (201.490.318) | (242.792.265) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | 918.560.700 | 918.560.700 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (918.560.700) | (918.560.700) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 3.987.705.858.980 | 6.363.958.385.053 |
| Đầu tư vào các công ty con | 251 | 9(a) | 3.829.862.020.000 | 5.789.811.020.000 |
| Đầu tư vào một công ty liên kết | 252 | 9(b) | 648.102.724.017 | 648.102.724.017 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 9(a) | (490.258.885.037) | (73.955.358.964) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 166.168.722 | 133.485.009 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 166.168.722 | 133.485.009 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 7.442.654.814.304 | 9.887.935.839.202 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 2.455.528.001.277 | 4.448.858.147.957 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 474.075.325.264 | 2.159.876.532.432 |
| Phải trả người bán | 311 | 10 | 27.871.464.463 | 47.454.673.876 |
| Người mua trả tiền trước | 312 | | 293.382.022 | 293.382.022 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 11 | 7.163.475.860 | 2.788.446.307 |
| Chi phí phải trả | 315 | 12 | 116.950.964.375 | 86.832.348.603 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 13(a) | 321.796.038.544 | 4.307.681.624 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 14(a) | - | 2.018.200.000.000 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.981.452.676.013 | 2.288.981.615.525 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 13(b) | - | 315.033.720.000 |
| Trái phiếu phát hành dài hạn | 338 | 14(b) | 1.980.932.752.013 | 1.973.790.034.025 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 519.924.000 | 157.861.500 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 4.987.126.813.027 | 5.439.077.691.245 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 15 | 4.987.126.813.027 | 5.439.077.691.245 |
| Vốn cổ phần | 411 | 16 | 3.271.329.400.000 | 3.271.329.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 3.271.329.400.000 | 3.271.329.400.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 2.126.179.665.149 | 2.126.179.665.149 |
| (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (410.382.252.122) | 41.568.626.096 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 41.568.626.096 | 28.005.542.651 |
| - (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế năm nay/năm trước | 421b | | (451.950.878.218) | 13.563.083.445 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 7.442.654.814.304 | 9.887.935.839.202 |

Ngày 1 tháng 3 năm 2024


Mã Hồng Kim
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Điềm
 Giám đốc Tài chính


Nguyễn Quốc Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2023 VND | 2022 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-----------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 01 | 18 | 100.518.000.000 | - |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 11 | | 95.731.428.571 | - |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 4.786.571.429 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 196.048.379.009 | 399.151.446.172 |
| Chi phí tài chính | 22 | 20 | 640.313.645.513 | 274.128.903.173 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 216.787.488.549 | 192.964.837.536 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | 13.324.035.945 | 111.716.043.665 |
| (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26} | 30 | | (452.802.731.020) | 13.306.499.334 |
| Thu nhập khác | 31 | | 865.234.102 | 503.945.630 |
| Chi phí khác | 32 | | 13.381.300 | 247.361.519 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 851.852.802 | 256.584.111 |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | (451.950.878.218) | 13.563.083.445 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 22 | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 22 | - | - |
| (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | (451.950.878.218) | 13.563.083.445 |

Ngày 1 tháng 3 năm 2024


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2023 VND | 2022 VND |
|--|--------------|--------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | (451.950.878.218) | 13.563.083.445 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao | 02 | 2.650.000 | 276.480.503 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 413.448.802.073 | 73.706.223.009 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (877.846) | (2.515.307) |
| Lãi từ các hoạt động đầu tư | 05 | (196.037.914.603) | (396.052.029.514) |
| Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu | 06 | 223.930.206.537 | 200.107.555.524 |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | (10.608.012.057) | (108.401.202.340) |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản khác | 09 | (86.121.138.854) | (27.002.265.545) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | (4.348.482.295) | 54.140.854.603 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 170.262.407 | 599.428.453 |
| Biến động chứng khoán kinh doanh | 13 | - | 256.165.829.261 |
| | | (100.907.370.799) | 175.502.644.432 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (214.773.723.947) | (190.153.670.960) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (315.681.094.746) | (14.651.026.528) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | (53.000.000) | (410.218.182) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 363.636.364 | 13.505.557 |
| Tiền chi cho vay | 23 | (236.500.000.000) | (4.622.150.000.000) |
| Tiền thu hồi khoản cho vay | 24 | 492.055.922.907 | 4.408.250.000.000 |
| Tiền chi đầu tư vào các công ty con | 25 | (740.000.000.000) | (2.160.000.000.000) |
| Tiền thu từ hoàn trả vốn góp từ một công ty con | 26 | 2.699.949.000.000 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 122.472.880.541 | 311.119.616.468 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 2.338.288.439.812 | (2.063.177.096.157) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

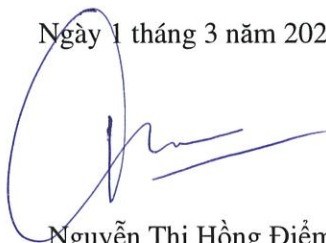
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2023 VND | 2022 VND |
|--|--------------|----------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí phát hành | 31 | - | 8.619.580.000 |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 3.645.400.000.000 | 2.586.800.000.000 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (5.663.600.000.000) | (597.900.000.000) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | (209.475) | (136.019.100) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (2.018.200.209.475) | 1.997.383.560.900 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 4.407.135.591 | (80.444.561.785) |
| Tiền đầu năm | 60 | 7.668.804.630 | 88.110.851.108 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền | 61 | 877.846 | 2.515.307 |
| Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4) | 70 | 12.076.818.067 | 7.668.804.630 |

Ngày 1 tháng 3 năm 2024



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 9.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 127 nhân viên (1/1/2023: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

Đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và chứng khoán kinh doanh; lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh; thu nhập cổ tức; thu nhập lợi nhuận được chia; và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và trái phiếu, và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn; và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(o) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(q) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá quy định được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Tiền

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi ngân hàng | 12.076.818.067 | 7.668.804.630 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu của khách hàng***Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

| | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Các công ty con sở hữu trực tiếp | | |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli HN | 27.719.280.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần 3F Việt | 13.674.960.000 | - |
| ▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An | 13.354.200.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Masan Jinju | 10.289.160.000 | - |
| Các công ty con sở hữu gián tiếp | | |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn | 15.785.280.000 | - |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02 | 11.772.000.000 | - |
| ▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt | 10.008.360.000 | - |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01 | 5.956.200.000 | - |

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

6. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

| | Năm đáo hạn | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|----------------|--------------------------|--------------------------|
| Bên thứ ba | | | |
| ▪ Phải thu về cho vay từ một đối tác (*) | 2024 | 985.000.000.000 | - |
| Công ty con sở hữu gián tiếp | | | |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (**) | 2024 | 243.916.497.299 | 289.700.000.000 |
| Bên liên quan khác | | | |
| ▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”) (**) | 2024 | 1.772.377.579.794 | 2.061.150.000.000 |
| | | 3.001.294.077.093 | 2.350.850.000.000 |



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Phải thu về cho vay từ một đối tác hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cho vay này thì Công ty có quyền hoán đổi khoản cho vay này để sở hữu 74,99% cổ phần của Công ty Cổ phần Masan Jinju với giá chuyển đổi được xác định tại ngày thực hiện quyền chuyển đổi theo các điều kiện và điều khoản như quy định trong hợp đồng cho vay này.
- (**) Các khoản phải thu về cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

| | Năm đáo hạn | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một công ty con sở hữu trực tiếp (*) | 2025 | 79.000.000.000 | - |
| Phải thu về cho vay từ một đối tác (Thuyết minh 6(a)) | 2024 | - | 985.000.000.000 |
| | | <hr/> | <hr/> |
| | | 79.000.000.000 | 985.000.000.000 |

- (*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay.

7. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

| | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|---------------------------|-------------------------|
| Lãi phải thu từ khoản cho vay | 238.469.585.200 | 119.553.387.022 |
| Phải thu khác từ các công ty con | 11.335.394.330 | 20.172.333.386 |
| Đặt cọc ngắn hạn | 35.000.000 | 176.976.808 |
| Phân phối lợi nhuận phải thu từ một công ty con | - | 28.000.000.000 |
| Chi trả hộ cho Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con | - | 7.965.909.712 |
| Phải thu khác | 91.505.866 | 178.949.674 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 249.931.485.396 | 176.047.556.602 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| <i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i> | | |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli HN | 3.918.714.567 | 9.835.399.959 |
| ▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An | 1.633.522.339 | 31.135.513.121 |
| ▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT | 193.010.883 | 235.309.226 |
| ▪ Công ty Cổ phần Masan Jinju | 64.233.401 | - |
| <i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i> | | |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn | 17.461.672.830 | 54.530.181.451 |
| ▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT | 1.935.533.121 | 235.309.226 |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02 | 1.144.223.378 | 340.777.976 |
| ▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01 | 64.299.901 | - |
| <i>Bên liên quan khác</i> | | |
| ▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”) | 200.181.549.932 | 67.905.010.271 |

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một công ty con sở hữu trực tiếp | 2.351.465.755 | - |

Lãi cho vay phải thu từ một công ty con không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | 2023 | 2022 |
|------------------------------|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 19.273.669.102 | 19.647.876.013 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (1.686.338.099) | (125.070.956) |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (3.216.786.500) | (249.135.955) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 14.370.544.503 | 19.273.669.102 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư vào các công ty con

| | 31/12/2023 | | 1/1/2023 | |
|--|-------------------------------------|--|-------------------------------------|---|
| | % lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết | Giá gốc VND | % lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết | Giá gốc VND |
| | | Dự phòng giảm giá VND | | Dự phòng giảm giá VND |
| Công ty TNHH MEATDeli HN (“Meat Hà Nam”) | 100,00% | 2.036.000.000.000 (263.575.600.905) | 100,00% | 1.296.000.000.000 - |
| Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Farm Nghệ An”) | 100,00% | 864.000.000.000 - | 100,00% | 864.000.000.000 - |
| Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”) | 51,00% | 614.774.300.000 (226.683.284.132) | 51,00% | 614.774.300.000 (73.955.358.964) |
| Công ty Cổ phần Masan Jinju (“MSJ”) (*) | 74,99% | 315.033.720.000 - | 74,99% | 315.033.720.000 - |
| Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”) (**) | 99,99% | 54.000.000 - | 99,99% | 2.700.003.000.000 - |
| | | 3.829.862.020.000 (490.258.885.037) | | 5.789.811.020.000 (73.955.358.964) |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(*) Đây là khoản đầu tư vào MSJ (do một bên liên quan nắm giữ hộ) mà Công ty kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động dựa trên các điều khoản và điều kiện của một hợp đồng cho vay hoán đổi. Giá gốc của khoản đầu tư sẽ được xác định khi giá thực hiện của quyền hoán đổi được các bên thống nhất (Thuyết minh 6(a)).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, MNS Meat đang trong quá trình giải thể.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty được mô tả như sau:

| Tên | Trụ sở | Hoạt động chính |
|-------------------------------|---|--|
| Công ty TNHH MEATDeli HN | Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt |
| Công ty TNHH MML Farm Nghệ An | Xóm Côn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Chăn nuôi heo và sản xuất giống lợn |
| Công ty Cổ phần 3F VIỆT | Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Chăn nuôi gia cầm |
| Công ty Cổ phần Masan Jinju | Nhà xưởng F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt |
| Công ty TNHH Meat MNS | (Trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, Đường số 4, Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật) |

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

| | Meat Hà Nam VND | Farm Nghệ An VND | 3F VIỆT VND | MSJ VND | MNS Meat VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.296.000.000.000 | 864.000.000.000 | 614.774.300.000 | 315.033.720.000 | 2.700.003.000.000 | 5.789.811.020.000 |
| Tăng trong năm | 740.000.000.000 | - | - | - | - | 740.000.000.000 |
| Hoàn trả vốn góp từ một công ty con | - | - | - | - | (2.699.949.000.000) | (2.699.949.000.000) |
| Số dư cuối năm | 2.036.000.000.000 | 864.000.000.000 | 614.774.300.000 | 315.033.720.000 | 54.000.000 | 3.829.862.020.000 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | 2023 | 2022 |
|------------------------------|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 73.955.358.964 | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | 416.303.526.073 | 73.955.358.964 |
| Số dư cuối năm | 490.258.885.037 | 73.955.358.964 |

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

| | 31/12/2023 và 1/1/2023 | | |
|--|-------------------------------|--|-----------------|
| | Số | % lợi ích | Giá gốc |
| | cổ phiếu | kinh tế/ quyền biểu quyết | VND |
| Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan") | 20.180.026 | 24,94% | 648.102.724.017 |

Hoạt động chính của Vissan là bán buôn thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào một công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Không có biến động của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|--------------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | 24.054.314.116 | 44.344.572.562 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.817.150.347 | 3.110.101.314 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 27.871.464.463 | 47.454.673.876 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| <i>Công ty mẹ cấp cao nhất (từ ngày 12 tháng 10 năm 2023)</i> | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan | 2.026.872.806 | 2.234.562.749 |
| <i>Các bên liên quan khác</i> | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | 24.054.314.116 | 44.344.572.562 |
| ▪ Công ty Cổ phần The CrownX | 1.351.076.181 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce | 351.800 | - |
| | <hr/> | <hr/> |

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2023 | Phát sinh | Nộp | Cán trừ | 31/12/2023 |
|----------------------------|-----------------|------------------|------------------|-----------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 10.266.474.867 | - | (5.345.037.526) | 4.921.437.341 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.788.446.307 | 14.652.883.191 | (15.047.234.400) | (152.056.579) | 2.242.038.519 |
| Thuế khác và phải nộp khác | - | 137.000.000 | (137.000.000) | - | - |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| | 2.788.446.307 | 25.056.358.058 | (15.184.234.400) | (5.497.094.105) | 7.163.475.860 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả**

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 71.539.010.631 | 66.629.470.685 |
| Thưởng thành tích và lương tháng 13 | 15.440.304.000 | 8.894.390.401 |
| Chiết khấu thương mại | - | 1.729.547.257 |
| Chi phí quảng cáo và khuyến mãi | - | 49.170.000 |
| Chi phí khác | 29.971.649.744 | 9.529.770.260 |
| | 116.950.964.375 | 86.832.348.603 |

13. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả đầu tư vào MSJ (Thuyết minh 9(a)) | 315.033.720.000 | - |
| Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên | 5.700.140.000 | - |
| Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Farm, một công ty con sở hữu gián tiếp | - | 1.477.041.096 |
| Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Meat Processing, một công ty con sở hữu gián tiếp | - | 1.418.734.248 |
| Cổ tức phải trả | 733.721.100 | 733.930.575 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp | 211.105.799 | 211.105.799 |
| Phải trả khác | 117.351.645 | 466.869.906 |
| | 321.796.038.544 | 4.307.681.624 |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2023 | 1/1/2023 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải trả đầu tư vào MSJ (Thuyết minh 13(a)) | - | 315.033.720.000 |



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Vay và trái phiếu phát hành****(a) Vay ngắn hạn**

| | 1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | 31/12/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND |
|--------------|--|---------------------|---------------------|--|
| | | Tăng VND | Hoàn trả VND | |
| Vay ngắn hạn | 2.018.200.000.000 | 3.645.400.000.000 | (5.663.600.000.000) | - |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|--------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Vay các công ty con sở hữu gián tiếp không đảm bảo | | | | |
| ▪ Công ty TNHH MNS Meat Processing | VND | (*) | - | 1.154.200.000.000 |
| ▪ Công ty TNHH MNS Farm | VND | (*) | - | 864.000.000.000 |
| | | | - | 2.018.200.000.000 |

(*) Các khoản vay không đảm bảo từ các công ty con sở hữu gián tiếp chịu lãi suất theo quy định trong các hợp đồng vay liên quan.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

| | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu thường | 1.999.980.000.000 | 1.999.980.000.000 |
| Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ | (19.047.247.987) | (26.189.965.975) |
| | 1.980.932.752.013 | 1.973.790.034.025 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------------|------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Trái phiếu phát hành theo mệnh giá | | | | | |
| ▪ MMLB2126001 | VND | 10,2% | 2026 | 1.999.980.000.000 | 1.999.980.000.000 |

Trái phiếu số MMLB2126001 có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và 3,9% cộng với lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các ngân hàng lớn được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Những trái phiếu này không được bảo đảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các bên liên quan của Công ty nắm giữ 1.099.040 triệu VND (1/1/2023: 1.339.725 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Biến động trong năm của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 26.189.965.975 | 33.332.683.963 |
| Phân bổ trong năm | (7.142.717.988) | (7.142.717.988) |
| Số dư cuối năm | 19.047.247.987 | 26.189.965.975 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND | Tổng VND |
|--|-----------------------|--------------------------------|---|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 3.269.884.470.000 | 2.119.005.015.149 | 28.005.542.651 | 5.416.895.027.800 |
| Phát hành cổ phiếu | 1.444.930.000 | 7.174.650.000 | - | 8.619.580.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 13.563.083.445 | 13.563.083.445 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 3.271.329.400.000 | 2.126.179.665.149 | 41.568.626.096 | 5.439.077.691.245 |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | (451.950.878.218) | (451.950.878.218) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 3.271.329.400.000 | 2.126.179.665.149 | (410.382.252.122) | 4.987.126.813.027 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

| | 31/12/2023 | | 1/1/2023 | |
|----------------------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

| | 2023 | | 2022 | |
|--------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 | 326.988.447 | 3.269.884.470.000 |
| Phát hành cổ phiếu | - | - | 144.493 | 1.444.930.000 |
| Số dư cuối năm | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 | 327.132.940 | 3.271.329.400.000 |

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

| | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng 1 năm | 438.000.000 | 420.000.000 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

| | 31/12/2023 | | 1/1/2023 | |
|-----|------------|-----------------|-----------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 1.088 | 26.288.621 | 5.204 | 121.766.335 |

18. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

19. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Thu nhập lãi | 176.034.891.828 | 206.052.029.514 |
| Lợi nhuận được chia từ một công ty con | 8.906.638.346 | 190.000.000.000 |
| Thu nhập cổ tức từ một công ty liên kết | 11.099.014.300 | - |
| Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh | - | 3.087.909.416 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 6.956.689 | 8.991.935 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 877.846 | 2.515.307 |
| | 196.048.379.009 | 399.151.446.172 |

20. Chi phí tài chính

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 216.787.488.549 | 192.964.837.536 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 416.303.526.073 | 73.955.358.964 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 7.142.717.988 | 7.142.717.988 |
| Chi phí khác | 79.912.903 | 65.988.685 |
| | 640.313.645.513 | 274.128.903.173 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 3.864.430.651 | 87.594.095.481 |
| Chi phí thuê hoạt động | 120.962.191 | 1.080.412.128 |
| Chi phí dụng cụ văn phòng | 621.234.688 | 1.811.676.712 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 2.650.000 | 276.480.503 |
| Chi phí khác | 8.714.758.415 | 20.953.378.841 |
| | 13.324.035.945 | 111.716.043.665 |

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (451.950.878.218) | 13.563.083.445 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | (90.390.175.644) | 2.712.616.689 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 106.722.334 | 277.922.840 |
| Thu nhập không chịu thuế | (4.001.130.529) | (38.000.000.000) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | 94.955.447.994 | 35.009.460.471 |
| Lỗ tính thuế được sử dụng | (670.864.155) | - |
| | - | - |

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 31/12/2023 | | 1/1/2023 | |
|---------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị tính thuế VND | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị tính thuế VND |
| Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 646.892.686.636 | 129.378.537.327 | 163.860.005.312 | 32.772.001.062 |
| Lỗ tính thuế | 837.606.088.636 | 167.521.217.727 | 1.040.293.318.235 | 208.058.663.647 |
| | 1.484.498.775.272 | 296.899.755.054 | 1.204.153.323.547 | 240.830.664.709 |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

| Năm hết hiệu lực | Tình hình quyết toán | Số lỗ được khấu trừ VND |
|-------------------------|-----------------------------|--|
| 2024 | Đã quyết toán | 334.832.987.975 |
| 2026 | Chưa quyết toán | 405.181.465.911 |
| 2027 | Chưa quyết toán | 97.584.232.750 |
| | | <hr/> <hr/> |
| | | 837.606.088.636 |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 2023 VND | 2022 VND |
| Công ty mẹ cấp cao nhất (từ ngày 12 tháng 10 năm 2023) (*) | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan | | |
| Cho vay | - | 258.600.000.000 |
| Thu hồi khoản cho vay | - | 2.921.350.000.000 |
| Thu nhập lãi cho vay và trái phiếu | - | 93.417.470.235 |
| Chia sẻ chi phí | - | 235.309.226 |
| Các công ty con | | |
| Công ty TNHH MNS Meat | | |
| Vay | 2.265.400.000.000 | - |
| Trả nợ gốc vay | 2.265.400.000.000 | - |
| Chi phí lãi vay | 848.690.413 | - |
| Thu hồi khoản hoàn trả vốn góp | 2.699.949.000.000 | - |
| Thu nhập từ phân phối lợi nhuận | 8.906.638.346 | - |
| Công ty TNHH MEATDeli HN | | |
| Vay | 1.380.000.000.000 | - |
| Trả nợ gốc vay | 1.380.000.000.000 | - |
| Chi phí lãi vay | 489.369.865 | - |
| Cho vay | 39.000.000.000 | 219.400.000.000 |
| Thu hồi khoản cho vay | 39.000.000.000 | 306.400.000.000 |
| Thu nhập lãi cho vay | 1.299.287.670 | 2.204.822.465 |
| Góp vốn | 740.000.000.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 25.666.000.000 | - |
| Công ty TNHH MML Farm Nghệ An | | |
| Thu hồi khoản cho vay | - | 106.000.000.000 |
| Thu nhập lãi cho vay | - | 1.715.216.440 |
| Thu nhập từ phân phối lợi nhuận | - | 190.000.000.000 |
| Cung cấp dịch vụ | 12.365.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần 3F VIỆT | | |
| Cho vay | 79.000.000.000 | - |
| Thu nhập lãi cho vay | 2.842.424.657 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 12.662.000.000 | - |

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 2023 VND | 2022 VND |
| Công ty Cổ phần Masan Jinju | | |
| Cung cấp dịch vụ | 9.527.000.000 | - |
| Công ty TNHH MNS Meat Processing | | |
| Vay | - | 1.722.800.000.000 |
| Trả nợ gốc vay | 1.154.200.000.000 | 568.600.000.000 |
| Chi phí lãi vay | 1.517.852.057 | 1.418.734.248 |
| Mua khoản đầu tư | - | 1.296.000.000.000 |
| Công ty TNHH MNS Farm | | |
| Vay | - | 864.000.000.000 |
| Trả nợ gốc vay | 864.000.000.000 | - |
| Chi phí lãi vay | 1.172.054.795 | 1.477.041.096 |
| Mua khoản đầu tư | - | 864.000.000.000 |
| Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn | | |
| Cho vay | 118.500.000.000 | 131.000.000.000 |
| Thu hồi khoản cho vay | 164.283.502.701 | 107.500.000.000 |
| Thu nhập lãi cho vay | 17.556.155.816 | 16.129.349.332 |
| Cung cấp dịch vụ | 14.616.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt | | |
| Cung cấp dịch vụ | 9.267.000.000 | - |
| Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01 | | |
| Cung cấp dịch vụ | 5.515.000.000 | - |
| Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02 | | |
| Cung cấp dịch vụ | 10.900.000.000 | - |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | | |
| Phí quản lý và công nghệ thông tin | 4.407.261.551 | 5.129.058.410 |
| Chi phí thuê | - | 205.342.720 |
| Mua hàng hóa | 27.607.065 | 35.686.364 |
| Công ty Cổ phần Mobicast | | |
| Mua dịch vụ | 87.540.993 | 68.193.195 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce | | |
| Bán chứng khoán kinh doanh | - | 258.637.909.416 |
| Mua hàng hóa | 393.946.970 | 533.595.264 |
| Thanh lý tài sản cố định | - | 13.505.557 |



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 2023 VND | 2022 VND |
| Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”) | | |
| Cho vay | - | 3.028.150.000.000 |
| Thu hồi khoản cho vay | 288.772.420.206 | 967.000.000.000 |
| Thu nhập lãi cho vay | 154.180.718.084 | 88.569.667.806 |
| Công ty Cổ phần The CrownX | | |
| Mua dịch vụ | 178.713.781 | - |
| Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản | | |
| Thu nhập cổ tức | 11.099.014.300 | - |
| Thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt | 5.070.902.000 | 4.888.553.960 |

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Trong tháng 10 năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) đã chuyển toàn bộ lợi ích trong Công ty cho Công ty TNHH Masan Agri (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Agri”) (“Masan Agri”), một công ty con sở hữu gián tiếp của MSN. Do đó, kể từ tháng 10 năm 2023, MSN và Masan Agri lần lượt trở thành công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ của Công ty.

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|------------------------------------|-------------------|-------------|
| | 2023 VND | 2022 VND |
| Hội đồng Quản trị (**) | | |
| Ông Danny Le – Chủ tịch | - | - |
| Ông Trần Phương Bắc – Thành viên | - | - |
| Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên | - | - |
| Ông Nguyễn Quốc Trung – Thành viên | - | - |
| Ủy ban Kiểm toán (**) | | |
| Ông Huỳnh Việt Thăng – Trưởng ban | - | - |
| Ông Trần Phương Bắc – Thành viên | - | - |

3-06
IÁN
Y TI
MC
10 C

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|---------------|
| | 2023 VND | 2022 VND |
| Tổng Giám đốc Thù lao, lương và thưởng Ông Nguyễn Quốc Trung | 5.070.902.000 | 4.888.553.960 |

(**) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

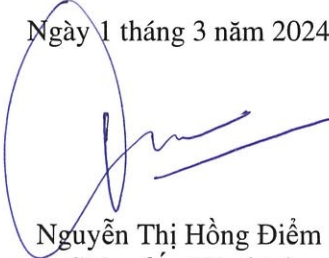
| | 31/12/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
| Công ty TNHH MEATDeli HN | 221.965.088.750 | - |
| Công ty Cổ phần 3F VIỆT | - | 246.361.499.592 |
| Công ty TNHH MML Farm Nghệ An | - | 196.000.000.000 |

24. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 2 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 285.007 cổ phiếu theo chương trình quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên và vốn cổ phần của Công ty đã tăng từ 3.271.329 triệu VND lên 3.274.179 triệu VND.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho năm 2023 và 2022.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty” hay “Tập đoàn”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho năm 2023 và 2022 như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2022 | Biến động | |
|-----|-------------------------------|----------|----------|------------------|-----------|
| | | (tỷ VND) | (tỷ VND) | Giá trị (tỷ VND) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Doanh thu thuần | 6.984 | 4.784 | 2.200 | 46% |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 1.052 | 344 | 708 | 206% |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | 224 | 633 | (409) | -65% |
| 4 | Chi phí tài chính | 526 | 409 | 117 | 29% |
| 5 | Chi phí bán hàng | 969 | 438 | 531 | 121% |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 307 | 361 | (54) | -15% |
| 7 | (Lỗ)/Lợi nhuận thuần sau thuế | (539) | (233) | (306) | 131% |

a. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất của kỳ báo cáo thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất trong năm 2023 của Tập đoàn là 539 tỷ đồng, tăng lỗ 306 tỷ đồng, tương đương 131% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Doanh thu thuần năm 2023 tăng trưởng 2.200 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do từ cuối năm 2022 có thêm doanh thu của mảng thịt chế biến. Và việc này góp phần tăng lợi nhuận gộp 708 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước và;
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 477 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do từ cuối năm 2022 phát sinh thêm chi phí của mảng thịt chế biến như giải thích bên trên;



- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 409 tỷ đồng do khoản giảm từ phí ký kết hợp đồng mua hàng;
- Chi phí tài chính tăng 117 tỷ đồng do khoản tăng thêm từ chi phí lãi vay.

b. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất trong kỳ báo cáo bị lỗ:

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất trong năm 2023 của Tập đoàn là 539 tỷ đồng, tăng lỗ 306 tỷ đồng, tương đương 131% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các nguyên nhân như trình bày ở mục a ở trên.

Báo cáo tài chính riêng lẻ:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2022 | Biến động | |
|-----|-------------------------------|----------|----------|---------------------|--------------|
| | | (tỷ VND) | (tỷ VND) | Giá trị (tỷ VND) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Doanh thu thuần | 100 | - | 100 | 100% |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 5 | - | 5 | 100% |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | 196 | 399 | (203) | -51% |
| 4 | Chi phí tài chính | 640 | 274 | 366 | 134% |
| 5 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 13 | 111 | (98) | -88% |
| 6 | (Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế | (451) | 13 | (464) | -3.569% |

a. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ của kỳ báo cáo thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ trong năm 2023 là 451 tỷ đồng, tăng lỗ 464 tỷ, tương đương 3.569% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 203 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do giảm thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty con và công ty liên kết.
- Chi phí tài chính tăng 366 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do việc trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 98 tỷ đồng do trong năm 2023 có doanh thu từ phí tư vấn quản lý cung cấp cho các công ty con.

b. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ trong kỳ báo cáo bị lỗ:

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ năm 2023 là 451 tỷ đồng, tăng lỗ 464 tỷ, tương đương 3.569% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm doanh thu tài chính và tăng chi phí tài chính.



c. *Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này:*

Lỗ thuần sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ năm 2023 là 451 tỷ đồng, chuyển từ lãi 13 tỷ đồng trong năm 2022 chủ yếu do (i) doanh thu tài chính giảm và (ii) chi phí tài chính tăng.

Trân trọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC TRUNG *ln*

